

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 07 - 7 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.
2. Ông Đào Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLDS-ST, ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXDS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Quang L, sinh năm 1953 và bà Hà Thị C, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Tất cả đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Phạm Thị B trình bày: Ông Đinh Quang L và bà Hà Thị C là vợ chồng. Trước đó, bà B có cho ông L và bà C vay tiền để làm ăn trong gia đình rất nhiều lần, có vay có trả đến hết một năm chót nợ một lần. Do đó, đến ngày 01 tháng 01 năm 2020 các bên chót nợ thì ông

L và bà C còn nợ lại bà B số tiền gốc 310.000.000 đồng. Khi vay các bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 3% đến 4%/tháng, khi nào bà B cần thì ông L và bà C sẽ hoàn trả hết số tiền gốc, lãi, trong đó có 9% là vay ngắn hạn vài ngày trả. Mục đích ông L và bà C vay tiền của bà B để làm ăn trong gia đình nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông L và bà C. Khi các bên chốt nợ thì ông L và bà C có viết, ký tên vào trong biên nhận ngày 01 tháng 01 năm 2020. Khi vay thì ông L và bà C không có cầm cố, thế chấp cho bà B tài sản gì. Từ khi các bên chốt nợ vay đến nay, ông L và bà C chưa trả cho bà B được khoản tiền gốc, lãi nào. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông L và bà C phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền gốc 310.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Bà B yêu cầu ông L và bà C trả trong vòng 03 tháng từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2020, mỗi tháng trả 100.000.000 đồng.

Bị đơn – Ông Đinh Quang L và bà Hà Thị C trình bày: Ông bà xác định từ tháng 10 năm 2015 đến cuối năm 2019 có vay nợ của bà B nhiều lần với mức lãi suất có khi 4%/tháng, 3%/tháng, 9%/tháng nhưng không có làm giấy tờ. Hàng tháng bà C vẫn trả tiền lãi suất đầy đủ cho bà B. Ông bà xác định từ khi các bên chốt nợ vay đến nay, ông bà chưa trả cho bà B được khoản tiền gốc, lãi nào. Mục đích ông bà vay nợ của bà B về để làm ăn trong gia đình nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông bà. Do đó, số nợ gốc 310.000.000 đồng là nợ chung của ông bà. Khi các bên chốt nợ, ông bà có viết, ký tên vào trong biên nhận ngày 01 tháng 01 năm 2020. Khi vay thì ông bà không có cầm cố, thế chấp cho bà B tài sản gì. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế ông bà hiện nay đang gặp khó khăn nên ông bà xin bà B cho trả dần hoặc chờ khi nào ông bà bán được đất thì ông bà sẽ trả nợ cho bà B.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải cho các Bn theo quy của Bộ luật tố tụng dân sự để tạo điều kiện cho các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng kết quả không thành. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, trong đó bị đơn là ông L và bà C có địa chỉ tại xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà B khởi kiện yêu cầu ông L và bà C phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền vay gốc 310.000.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua biên nhận ngày 01 tháng 01 năm 2020 do ông L và bà C ký nhận nợ. Đồng thời, được ông L và bà C thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc ông L và bà C phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền gốc

310.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về đề nghị xin trả dần của ông L và bà C: Không được bà B đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của B được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông L và bà C phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 310.000.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, ông L và bà C có đơn đề nghị miễn án phí vì ông L và bà C là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi. Xét đơn đề nghị miễn án phí của ông L và bà C là hợp lệ được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này, nên Hội đồng xét xử cần xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông L và bà C. Bà B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 12, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B, buộc ông Đinh Quang L và bà Hà Thị C phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị B số tiền 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi Bn phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng Bn phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Quang L và bà Hà Thị C.

2.2 Về tạm ứng án phí: Do bà Phạm Thị B là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà Phạm Thị B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi Tòa án thụ lý vụ án.

3. Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

